TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2024/DS- PT

Ngày: 17/4/2024

V/v "Tranh chấp giao dịch dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Quyết.
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hương Giang
Bà Phạm Thị Chuyền

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Lương Thất Tùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16,17/4/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 300/2023/TLPT- DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Toà án nhân dân huyện V (nay là thị xã V) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2024/QĐ-PT ngày 15/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 116/2024/QĐ- PT ngày 28/3/2024 giữa:

Nguyên đơn: Anh Thân Văn C, sinh năm 1972; Có mặt

Địa chỉ: P, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1984. Có mặt

Địa chỉ: Khu Phố Đ, Phường T, TP T, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh C:

- Luật sư Đặng Văn T - Văn phòng luật sư Đặng T - V - Đoàn luật sư tỉnh B. Vắng mặt.

- Luật sư Nguyễn Văn V – Công ty L – Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Bị đơn: Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1973; Vắng mặt

Địa chỉ: P, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

Chi cục thi hành án dân sự huyện V do ông Đỗ Văn N - Chi cục Trưởng đại diện - Có đơn xin vắng

Địa chỉ; tổ dân phố D, thị trấn B, huyện V, Bắc Giang

Người làm chứng- ông Thân Văn Q (Nguyên Chủ tịch xã T) – Bí thư đảng ủy xã V (Vắng mặt).

Người kháng cáo: bị đơn ông Thân Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, bản tự khai, các lời khai tại Tòa án, anh Thân Văn C và người được ủy quyền đều trình bày**:** Anh C và chị H1 kết hôn với nhau năm 1993 đến năm 2018 vợ chồng ly hôn. Tại bản án số: 22/2019/HNGĐ-PT ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định giao cho chị H1 100,2 m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà chính 28,35 m^2, nhà ngang, nhà bếp, chuồng chăn nuôi, sân gạch, 1 xe mô tô. Tổng trị giá tài sản là 93.779.000 đồng. Chị H1 phải trích chia trả chênh lệch tài sản cho anh là 7.397.000 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì chị H1 có đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 13/8/2019 Chi cục thi hành án huyện V (nay là thị xã V) có quyết định thi hành bản án. Ngày 05/9/2019 (thứ năm) tại nhà anh, anh và chị H1 có biên bản thỏa thuận về việc thi hành án. Biên bản thỏa thuận ngày 05/9/2019 anh cho chị H1 số tiền là 7.397.000 đồng và chị H1 đồng ý nhận thêm 400.000.000 đồng từ anh và bàn giao toàn bộ tài sản được chia gồm: 100,2 m^2 đất ở và tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà chính 28,35 m^2, nhà ngang, nhà bếp, chuồng chăn nuôi, sân gạch cho anh trừ xe máy. Hai bên có lập thành biên bản thỏa thuận đề ngày 05/9/2019 anh có mang gia UBND xã Tăng Tiến để xác nhận chữ ký hẹn khoảng 10 ngày anh sẽ trả tiền chị H1. Đến ngày 16/9/2019 tại gia đình anh, anh giao tiền cho chị H1 400.000.000 đồng bằng tiền mặt. Hai bên có lập thành giấy nhận tiền đề ngày 16/9/2019 do luật sư T1 ở Hưng Yên viết giúp văn bản này. Giấy nhận tiền do Luật sư T1 viết ngày 15/9/2019 đến lúc giao tiền ngày 16/9/2019 thì chị H1 ký vào biên bản, sau đó ngày 17/9/2019 (thứ 3) anh mang giấy này ra UBND xã T xin xác nhận, nhưng không có mặt chị H1. Thực tế lúc đó anh giao cho chị H1 400.000.000 đồng, theo bản án anh phải trả cho chị H1 chênh lệch 7.397.000 đồng nên trong biên bản giao tiền đã nhận là 407.397.000 đồng. Sau đó chị H1 không thực hiện việc này mà yêu cầu cơ quan thi hành án thực hiện bản án số: 22/2019/HNGĐ-PT ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Đến nay chị H1 không giao lại đất cho anh theo thỏa thuận mà cũng không trả lại anh số tiền đã nhận. Nay anh C khởi kiện đề nghị tòa án công nhận việc thỏa thuận giữa anh chính và chị H1 ngày 05/9/2019 và biên nhận giao tiền ngày 16/9/2019 có hiệu lực pháp luật; yêu cầu chị H1 bàn giao cho anh C tài sản theo văn bản thỏa thuận ngày 05/9/2019, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa, anh C và người đại diện theo ủy quyền là chị H không yêu cầu giải quyết hậu quả nếu "Văn bản thỏa thuận" ngày 05/9/2019 vô hiệu.

Bị đơn là chị Hoàng Thị H1 trình bày: anh C trình bày Tại bản án số: 22/2019/HNGĐ-PT ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang là đúng sau khi bản án có hiệu lực thì chị làm đơn đề nghị thi hành án. Việc anh C nói có thỏa thuận ngày 05/9/2019 việc này chị không biết, chữ ký trong văn bản thỏa thuận ngày 05/9/2019 đúng là chữ ký của chị (phần bên B chữ ký Hường, Hoàng Thị H1), lý do chị ký là do anh C đưa cho chị 7.000.000 đồng. Ngày 16/9/2019 theo anh C trình bày đưa cho chị 400.000.000 đồng là không có, phần ký tên Bên B (phần chữ viết tôi đã nhận đủ số tiền nói trên ký tên H1; Hoàng Thị H1 là do chị viết), trước khi viết chị có đọc nội dung phía trên phần chị ký tên. Chị ký tên và viết tại nhà nghỉ ở thôn M, ngày nào chị không nhớ, chị xác định anh C không đưa cho chị 400.000.000 đồng. Chị có yêu cầu cơ quan thi hành án huyện V thi hành bản án. Sau đó một thời gian chị mới biết việc anh C nói là đưa cho chị 400.000.000 đồng nhưng chị không hoàn toàn biết việc này. Đến nay chị xác định không nhận 400.000.000 đồng. Nay anh C khởi kiện đề nghị tòa án công nhận "Văn bản thỏa thuận" ngày 05/9/2019 có hiệu lực và biên nhận giao tiền ngày 16/9/2019; yêu cầu chị trả đất và tài sản theo văn bản thỏa thuận ngày 05/9/2019 thì chị H1 không đồng ý. Vì anh C gian dối khi thỏa thuận, viết thêm nội dung vào biên bản thỏa thuận;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chi cục thi hành án huyện V vắng mặt tại phiên tòa nhưng bản khai người đại diện trình bày: Chi cục thi hành án đã cung cấp hồ sơ thi hành án và có quan điểm như sau: Ngày 07/8/2019, chị Hoàng Thị H1 có đơn yêu cầu thi hành án yêu cầu đối với anh Thân Văn C, Kèm theo là Bản án dân sự phúc thẩm số 22/2019/HNGĐ-PT ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sau khi nhận đơn yêu cầu thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện V (nay là thị xã V) đã ra Quyết định thi hành. Sau đó Chi cục thi hành án dân sự huyện V nhận được tường trình của anh Thân Văn C và "Văn bản thỏa thuận" ngày 05/9/2019, 01 giấy nhận tiền ngày 16/9/2019 giữa anh C và chị H1 có xác nhận của anh Thân Văn Q nguyên chủ tịch xã T.

Sau khi xem xét và trả lời của Cục thi hành án dân sự, Chi cục thi hành án dân sự huyện V (nay là thị xã V) đã tiến hành cưỡng chế chuyển giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và đã giao tài sản cho chị H1 sử dụng.

Người làm chứng ông Thân Văn Q (Nguyên Chủ tịch xã T) xác định ngày 05/9/2019 và ngày 17/9/2019 ông có xác nhận chữ ký văn bản anh C mang đến, lúc đó không có mặt chị H1. Ông cũng xác định chỉ xác nhận chữ ký, không xác nhận nội dung, do thời gian lâu rồi nên ông Q không nhớ được nội dung văn bản do anh C mang đến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn xác định;

- Bản án phúc thẩm, ngày 17/08/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sau khi bản án có hiệu lực chị Hoàng Thị H1 đã có đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện V, cho thi hành án đối với anh Thân Văn C.Trong thời gian thi

hành án ngày 05/09/2019 chị Hoàng Thị H1 và anh Thân Văn C đã lập "Văn bản thỏa thuận" có xác nhận chữ ký của UBND xã T *"Anh Thân Văn C đồng ý cho chị Hoàng Thị H1 số tiền là 7.397.500 đồng. Đồng thời chị H1 nhận thêm 400.000.000 đồng từ anh C để bàn giao toàn bộ phần tài sản mà mình được chia theo quyết định của Tòa đã tuyên cho anh Thân Văn C".*

- Đến ngày 16/09/2019, chị Hoàng Thị H1 đã nhận toàn bộ số tiền là 407.379.500 đồng từ anh Thân Văn C theo Giấy nhận tiền được hai bên lập có xác nhận chữ ký của UBND xã T đề ngày 17/09/2019.

Anh Thân Văn C xác định anh và chị H1 đã thỏa thuận và chị H1 đã nhận tiền cho nên đã có đầy đủ chứng cứ việc chị Hoàng Thị H1 nhận đủ số tiền với mục đích chị Hoàng Thị H1 giao cho anh Thân Văn C 100,2m^2 đất và tài sản trên đất theo Bản án phúc thẩm chị Hoàng Thị H1 được quản lý và sử dụng. Như vậy giao dịch dân sự giữa anh Thân Văn C và chị Hoàng thị H1 đề ngày 05/9/2019 không vi phạm điều cấm, không trái với đạo đức xã hội. Mặt khác, anh Thân Văn C đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đã giao tiền cho chị H1, đã được các bên ghi nhận bằng giấy nhận tiền ngày 16/9/2019. Vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân huyện V công nhận hiệu lực của giao dịch giữa anh Thân Văn C và chị Hoàng Thị H1 đề ngày 05/9/2019 có hiệu lực và chị H1 phải có nghĩa vụ thực hiện như đã thỏa thuận.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Toà án nhân dân huyện V đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 122, Điều 125, Điều 126, Điều 129, Điều 132 Bộ luật dân sự. Điều 188 luật đất đai; Điều 6 Luật thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 3; khoản 2 Điều 14; khoản 2 Điều 34 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; Điều 26 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

*Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thân Văn C.

Tuyên bố giao dịch dân sự giữa anh Thân Văn C và chị Hoàng Thị H1 ghi "Biên bản thỏa thuận" ngày 05/9/2019 vô hiệu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 12/10/2023, nguyên đơn ông Thân Văn C đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Thân Văn C và anh Thân Văn C trình bày: Anh đã đưa cho chị H1 407 triệu đồng và có giấy biên nhận theo

quy định của pháp luật. Tuy nhiên, TAND huyện V (nay là thị xã V) lại không chấp nhận thỏa thuận này giữa anh C và chị H1 là vi phạm quy định về hướng dẫn thi hành án. Sau khi ký thỏa thuận với chị H1 thì anh C đã đem văn bản đến xác nhận tại UBND xã T. Nội dung quyết định của bản án sơ thẩm đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của anh C. Đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng công nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh: công nhận văn bản thỏa thuận giữa C và chị H1 ký ngày 05/9/2019 và Biên bản giao nhận tiền ngày 16/9/2019 và trả lại cho anh Chính diện tích đất theo nội dung Văn bản thỏa thuận.

Luật sư V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn anh C trình bày: Anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, căn cứ khởi kiện là khoản 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013, văn bản thỏa thuận giữa anh C và chị H1 theo nội dung quy định tại Điều 116, Điều 117 Bộ luật Dân sự. Anh C đã thực hiện xong nghĩa vụ, chỉ còn chị H1 chưa thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho anh C. Không thể tuyên văn bản thỏa thuận vô hiệu vì đã hết thời hiệu tuyên hợp đồng vô hiệu theo quy định tài Điều 132 Bộ luật Dân sự. Theo quy định của Luật Thi hành án thì không có điều khoản nào cấm các bên thực hiện các thỏa thuận. Anh Chính đề nghị Tòa án giải quyết tuyên Văn bản thỏa thuận giữa anh C và chị H1 có hiệu lực pháp luật để anh C thực hiện việc sang tên chuyển nhượng đối với các tài sản và đề nghị chị H1 bàn giao lại các tài sản cho anh C.

Bà H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý với quan điểm của luật sư V, không bổ sung gì.

Anh C đồng ý với quan điểm của luật sư V, không bổ sung gì.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTDS; chấp kháng cáo của anh Thân Văn C; huỷ Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Trả lại anh C phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan , người làm chứng đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án xét xử vắng mặt những người này là đảm bảo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng sau:

[2.1] Theo đơn khởi kiện và trong giai đoạn xét xử ở cấp sơ thẩm thì nguyên đơn là anh Thân Văn C yêu cầu Tòa án công nhận Văn bản thỏa thuận giữa các bên

ngày 05/9/2019 và biên nhận giao tiền ngày 16/9/2019 giữa anh C và chị H1 có hiệu lực pháp luật; yêu cầu chị H1 bàn giao cho anh C tài sản theo văn bản thỏa thuận ngày 05/9/2019. Ngày 17/01/2024 Toà cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết những yêu cầu khởi kiện trên của anh C. Tuy nhiên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Toà án nhân dân huyện V chỉ xem xét, giải quyết đối với yêu cầu (văn bản thỏa thuận ngày 05/9/2019 giữa anh C và chị H1), chưa xem xét, quyết định về yêu cầu bàn giao tài sản của anh C là giải quyết chưa hết yêu cầu khởi kiện của anh C, vi phạm khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015 và tại Công văn số 01/2017/GĐ- TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ đã nêu rõ: "…*Tòa án phải giải thích cho các đương sự về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu, việc giải thích phải được ghi vào biên bản và lưu vào hồ sơ vụ án...* Tòa án sơ thẩm xác định Văn bản thỏa thuận giữa các bên ngày 05/9/2019 nhưng không giải thích (bằng văn bản) cho anh C, chị H1 về hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu, không hỏi đương sự có yêu cầu gì về giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu là giải quyết vụ án không triệt để, toàn diện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[3] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có một số sai sót cần rút kinh nghiệm:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nội dung Văn bản thỏa thuận ngày 05/9/2019 thể hiện giao dịch giữa anh C và chị H1 về thỏa thuận thi hành bản án đã có hiệu lực pháp luật, không phải giao dịch chuyển nhượng tài sản. Tranh chấp trong vụ án là " Tranh chấp về giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự,. Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử tài sản" là không đúng.

- Thủ tục tiến hành tố tụng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự huyện V không đảm bảo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có yêu cầu về bàn giao tài sản, bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét thẩm định và định giá đối với tài sản tranh chấp là thu thập thiếu tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà ở cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận kháng cáo của anh Thân Văn C. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS - ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện V giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên anh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 6 Điều 313, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Thân Văn C:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 71/2023/DS - ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Anh Thân Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh Thân Văn C 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0007215 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

4.. Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./..

Nơi nhận:
- TAND thị xã V;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS thị xã V;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Quyết